

## GIẤY ỦY QUYỀN

Họ và tên cổ đông: \_\_\_\_\_

Mã số cổ đông: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

CMND/CCCD: \_\_\_\_\_

Số cổ phần: \_\_\_\_\_

Số tiền tương ứng: \_\_\_\_\_

Tôi ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông ngày 22/04/2023 cho người đại diện có tên dưới đây:

Họ và tên người đại diện: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

CMND/CCCD: \_\_\_\_\_

TPHCM, ngày      tháng      năm 2024

Người ủy quyền  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

MSDN: 0302066222



## THƯ MỜI HỌP

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Trụ sở chính: 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp.HCM  
Tel: 028.38552689

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

Tp Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2024

# THƯ MỜI HỌP

Kính mời Ông/Bà :

Mã số :

Địa chỉ:

Đến tham dự cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 23 năm 2024 được tổ chức:

❖ Thời gian:

- Thứ 7 ngày 27 tháng 04 năm 2024
- Khai mạc lúc 8 giờ 00 (bắt đầu đăng ký lúc 7 giờ 15)
- Kết thúc dự kiến lúc 11:30 giờ cùng ngày.

❖ Địa điểm: Hội trường Nhà Máy Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông Khu công nghiệp Hải Sơn, Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

❖ Nội dung: Theo chương trình nghị sự đính kèm

Sự hiện diện của Quý cổ đông sẽ góp phần thành công cho Đại hội.

Trân trọng.

TM. Hội Đồng Quản Trị  
Chủ tịch



Nguyễn Thị Nhung

### Ghi chú:

Khi đến tham dự Đại hội, đề nghị Quý cổ đông mang theo thư mời và CMND/CCCD để Ban tổ chức kiểm tra đăng ký tham dự và phân phối tài liệu. Trong trường hợp ủy quyền, vui lòng bổ sung thông tin ủy quyền ở trang sau.

## NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỌP

\*\*\*\*\*

- 1- Kiểm tra tư cách cổ đông.
- 2- Chào cờ, giới thiệu đại biểu, tuyên bố tiến hành đại hội
- 3- Giới thiệu Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu

### ***Nội dung chính:***

- 4- Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động và kết quả SXKD năm 2023.
- 5- Đề án Kế hoạch Sản xuất – Kinh doanh năm 2024.
- 6- Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về tình hình hoạt động của Công ty năm 2023.
- 7- Tờ trình Đại hội về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023.
- 8- Tờ trình Đại hội về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024.
- 9- Tờ trình Đại hội về tiền thù lao HĐQT năm 2023 và tiền thưởng cho HĐQT & Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.
- 10- Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2024.
- 11- Cổ đông phát biểu ý kiến và biểu quyết các nội dung Đại hội.
- 12- Công bố kết quả biểu quyết.
- 13- Thông qua Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### Ghi chú:

Quý cổ đông có nhu cầu tham khảo tài liệu trước, vui lòng xem tại website [adongpaint.com.vn](http://adongpaint.com.vn) kể từ ngày **05/04/2024** hoặc liên hệ **Ông Lê Đình Quang – Phó TGD (ĐTDD: 0903785602)** để nhận tài liệu bằng văn bản tại trụ sở Công ty - 1387 Bến Bình đông – Phường 15 – Quận 8 - TP.HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG



**TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2024**

*Ngày 27 tháng 04 năm 2024*

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

## CHƯƠNG TRÌNH CUỘC HỌP

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN 23 NĂM 2024

Ngày 27/04/2024

Thời gian	Chương trình	Người chịu trách nhiệm	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Thủ tục</b>	<b>Ban tổ chức</b>	
7.15h – 7.50h	Kiểm tra tư cách cổ đông.	Tiểu ban kiểm tra tư cách cổ đông Ô. Lê Đình Ngọc	Đối chiếu CCCD, giấy ủy quyền (nếu có) với danh sách cổ đông. Phát phiếu biểu quyết, và tài liệu.
<b>II</b>	<b>Khai mạc</b>	<b>Ban tổ chức</b>	
08h.00 – 08.10h	- Chào cờ, - Giới thiệu Đại biểu, - Công bố đủ điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ, - Giới thiệu Chủ tọa đoàn.	Ô. Phan Hoàng Bảo	Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
<b>III.</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Chủ tọa đoàn</b>	
08.10h – 08.45h	- Giới thiệu Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu, - Báo cáo của HĐQT Công ty về tình hình hoạt động, kết quả SX - KD năm 2023, - Đề án kế hoạch SX – KD năm 2024	Ô. Trần Bửu Trí Ô. Lê Đình Quang Ô. Lê Đình Quang	
08.45h – 08.50h	- Báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập trong UBKT về tình hình hoạt động của Công ty năm 2023.	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	
08.50h – 08.55h	- Tờ trình ĐH về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023.	Ô. Huỳnh Thanh Tâm	
08.55h – 09.00h	- Tờ trình ĐH về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024.	Ô. Huỳnh Thanh Tâm	



09.00h – 09.05h	-Tờ trình ĐH về tiền thù lao HĐQT năm 2023 và tiền thưởng cho HĐQT& Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2024.	Ô. Huỳnh Thanh Tâm	
09.05h – 09.10h	- Tờ trình ĐH về việc lựa chọn Công Ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2024.	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	
09.10h – 10.00h	Đại hội thảo luận và biểu quyết các nội dung Đại hội.	Chủ tọa đoàn Ban kiểm phiếu	Các báo cáo và Tờ trình liên quan
10.00h – 10.30h	Nghỉ giải lao.		
10.30h – 10.40h	Công bố kết quả biểu quyết.	Ban kiểm phiếu	
10.40h – 10.50h	Thông qua Nghị quyết Đại Hội.	Thư ký đoàn	
11.00h	Bế mạc.	Ô. Trần Bửu Trí	Kết thúc


  
**Chủ tịch HĐQT**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**SƠN**  
**Á ĐÔNG**  
 Nguyễn Thị Nhung

Ngày 27 tháng 4 năm 2024  
**TM. Ban tổ chức**



**Huỳnh Thanh Tâm**

#### TÀI LIỆU ĐẠI HỘI – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN 23 NĂM 2024:

1. Chương trình Đại hội – ĐHĐCĐ thường niên lần 23 năm 2024.
2. Báo cáo của HĐQT Công ty về tình hình hoạt động, kết quả SX - KD năm 2023.
3. Đề án kế hoạch SX – KD năm 2024.
4. Báo cáo hoạt động TV. Độc lập HĐQT của UBKT về việc kiểm tra tình hình hoạt động Công ty năm 2023.
5. Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.
6. Tờ trình ĐH về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024.
7. Tờ trình ĐH về tiền thù lao HĐQT năm 2023 và tiền thưởng cho HĐQT&Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2024.
8. Tờ trình ĐH về việc lựa chọn Công Ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2024.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**  
**NĂM 2023**

Năm 2023 nền kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, thách thức hơn là thuận lợi như căng thẳng địa chính trị vẫn dai dẳng đan xen với chủ nghĩa bảo hộ, cạnh tranh giữa các nước lớn, nhiều nước tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt để kiểm chế lạm phát, lãi suất neo ở mức cao, rủi ro tài chính-tiền tệ gia tăng, an ninh năng lượng, chuỗi cung ứng hiện hữu, biến đổi khí hậu cực đoan, khó lường hơn...tác động tiêu cực tới các hoạt động kinh tế -xã hội toàn cầu.

Theo số liệu từ Tổng Cục Thống kê, tăng trưởng kinh tế năm 2023 với tốc độ tăng GDP đạt 5,05% thấp hơn mục tiêu của Quốc hội đề ra 6,5% nhưng vẫn cao hơn so với các nước trong khu vực và thế giới. Việt Nam là nước có độ mở cao nên bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế thế giới. Các động lực của nền kinh tế chưa phát huy hiệu quả trong thời gian vừa qua, đặc biệt giai đoạn 06 tháng đầu năm. Tuy vậy xu hướng tích cực hơn trong những tháng cuối năm đã lấy lại đà tăng trưởng với chính sách phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội của Chính phủ đã từng bước phát huy hiệu quả.

Năm 2023, trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2023 của Việt Nam tăng 3,25% so với năm 2022. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2023 tăng 4,16% so với năm 2022, cao hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,25%).

Tỷ giá, mặt bằng lãi suất biến động rất lớn so với các năm, tuy vậy lạm phát đã được kiểm soát, thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng diễn biến tích cực trong những tháng cuối năm nhằm giảm lãi suất huy động, giảm lãi suất cho vay để phục hồi nền kinh tế đang bị giảm sút.

Ngành công nghiệp và xây dựng đầu tư công tư đang triển khai mạnh mẽ theo chủ trương của Chính phủ đã có dấu hiệu tích cực, làm động lực tăng trưởng cho nền kinh tế trong thời gian tới.

Với những cố gắng đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất, được sự chỉ đạo hợp lý và kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực của toàn thể người lao động trong Công ty, đã góp phần tác động tích cực và mang đến kết quả SXKD cũng như sự phát triển của Công ty trong năm 2023.

**I. CÁC BIỆN PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRONG SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2023:**

Để thực hiện kế hoạch năm 2023 Công ty đề ra các biện pháp và tổ chức thực hiện như sau:

1. Ban hành lại chính sách bán hàng đối với hệ thống đại lý và nhà phân phối để phù hợp với diễn biến của thị trường.
2. Sắp xếp lại thị trường khu vực tiêu thụ sản phẩm cho Nhà phân phối, Đại lý theo hướng mở không còn để tình trạng độc quyền khu vực kinh doanh nhằm giảm thiểu sự cạnh tranh không công bằng giữa các đại lý với nhau.
3. Tiếp tục mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm tìm kiếm các khách hàng mới để tăng doanh thu bán hàng cho Công ty.



4. Duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh sản phẩm truyền thống theo hướng chất lượng cao, giá cả hợp lý, bên cạnh đó tiếp tục nghiên cứu cho ra những dòng sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu của thị trường.
5. Thường xuyên chú trọng việc chăm sóc khách hàng, có chính sách hỗ trợ và ưu đãi về giá bán hợp lý đối với những khách hàng lâu năm cũng như các khách hàng mới.
6. Thực hiện chương trình quảng cáo theo kế hoạch hàng năm để quảng bá thương hiệu các sản phẩm của Công ty.
7. Chú trọng về công tác tuyển dụng, đào tạo đội ngũ bán hàng để nâng cao tính chuyên nghiệp hơn nhằm phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty.
8. Tìm kiếm những nguyên liệu thay thế để sản xuất sản phẩm đưa ra thị trường với giá cạnh tranh hơn.
9. Chú trọng công tác giám sát sản xuất để kiểm soát chặt chẽ về tiêu hao nguyên vật liệu và hạn chế sản phẩm không phù hợp trong quá trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm.
10. Thường xuyên cập nhật và điều chỉnh chính sách nhân sự, tiền lương, tiền thưởng cho phù hợp và kịp thời nhằm đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty.

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

### 1. Kết quả sản xuất - kinh doanh:

#### 1.1 Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

Các chỉ tiêu đã được thực hiện như sau

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	% Tăng trưởng	
					2023/2022	TH/KH
1	Tổng doanh thu	587.390.223	500.000.000	516.211.897	-12,12%	3,24%
	Doanh thu SX chính	587.390.223	500.000.000	471.211.897		
	Doanh thu KD khác			45.000.000		
2	Nộp ngân sách	31.429.823	22.381.421	26.113.526	-16,91%	16,68%
3	Thu nhập doanh nghiệp					
	Lợi nhuận trước thuế	50.337.527	45.000.000	73.819.301	46,65%	64,04%
	Lợi nhuận sau thuế	40.046.140	36.000.000	58.934.029	47,17%	63,71%
4	Tổng lao động b/q (người)	146	147	155	6,16%	5,44%
5	Lương thực hiện b/q (tháng)	18.438	15.590	15.264	-17,21%	-2,09%
6	Trích khấu hao cơ bản	11.664.375	11.500.000	8.257.088	-29,21%	-28,20%
7	Đầu tư mua sắm TSCĐ	1.828.972	1.000.000	462.468		
	Trong đó: Đầu tư TSCĐ dở dang	-	-	-		

#### 1.2 Hiệu quả kinh tế - tài chính:

Hiệu quả sử dụng vốn trong sản xuất – kinh doanh năm 2023

STT	Hạng mục	ĐVT	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Ghi chú
1	Tổng giá trị tài sản trên sổ sách	1000 đ	358.503.421	381.328.610	
2	Vốn góp của cổ đông	1000 đ	230.398.500	230.398.500	
3	Nguồn vốn chủ sở hữu (CSH)	1000 đ	274.335.986	287.190.211	
4	Mức tăng tích lũy vốn CSH	%	-1,30%	4,70%	
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	8,57%	14,30%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	%	6,82%	11,42%	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	%	11,17%	15,45%	
8	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ tổng tài sản	%	14,04%	19,36%	
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH	%	14,60%	20,52%	
10	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn góp	%	17,38%	25,58%	

### 2. Tình hình tài chính Công ty:

Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2023 tính đến hết ngày 31.12.2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài Chính và Kiểm toán phía Nam (AASCS) ngày 18/03/2024 và trên cơ sở tạm tính nghĩa vụ nộp thuế theo quy định hiện hành, tình hình tài chính Công ty được ghi nhận như sau:

### 3. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT):

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	Kế hoạch Năm 2023	Thực hiện 2023
1	Tổng giá trị tài sản trên sổ sách	1000 đ	358.503.421		381.328.610
2	Nguồn vốn chủ sở hữu (CSH)	1000 đ	274.335.986		287.190.211
3	Vốn đầu tư chủ sở hữu	1000 đ	230.398.500		230.398.500
4	Nợ phải trả trên tổng nguồn vốn	%	23,48%	Tối đa 40 %	24,69%
5	Nợ phải thu trên Tổng Tài sản	%	23,00%	Tối đa 30 %	17,14%
6	Nguồn vốn CSH trên Tổng nguồn vốn	%	76,52%	Tối thiểu 60 %	75,31%
7	Tăng trưởng tích lũy vốn CSH	%	-1,30%	0,00%	4,70%
8	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	3,66	2,50	3,60
9	Hạn mức vay vốn lưu động thường xuyên	1000 đ		-	-

HDQT xác định được các mục tiêu cụ thể về kế hoạch SXKD đã được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua và qua đó HDQT đã kịp thời chỉ đạo đưa ra các định hướng phát triển, ứng phó phù hợp với diễn biến thị trường, tình hình kinh tế xã hội và giao nhiệm vụ cho Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện hoạt động kinh doanh theo định hướng chiến lược đã được phê duyệt.

Trong năm HDQT đã tổ chức họp định kỳ hàng Quý và các cuộc họp bất thường khác để đảm bảo xử lý kịp thời các công việc liên quan đến hoạt động SXKD, thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền của HDQT cũng như đề triệu tập tổ chức ĐHCĐ thường niên 2023.

HDQT đã thực hiện công việc quản lý chung của Công ty, tăng cường công tác giám sát việc tuân thủ trong toàn hệ thống, theo dõi và đôn đốc việc công bố thông tin kịp thời về công tác quản trị nội bộ Công ty và kết quả SXKD các Quý, Năm, theo quy định của Luật chứng khoán áp dụng đối với Công ty đại chúng đã niêm yết nhằm đảm bảo Công ty đi đúng hướng, phù hợp với các quy định của pháp luật và các chuẩn mực đã được quy định trong quy chế quản trị nội bộ Công ty và Điều lệ Công ty.



Các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong năm 2023, Trong đó:

**- Có 09 nghị quyết bao gồm:**

1. Thông qua kết quả SXKD quý 4 và cả năm 2022
2. Trù bị việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
3. Thông qua việc tiến hành sửa đổi điều lệ và thông qua thời hạn ký kết HĐLĐ với chức danh Tổng Giám đốc
4. Thông qua các tài liệu phục vụ cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
5. Tạm ứng cổ tức đợt 1.2023
6. Thông qua kết quả SXKD quý 2 năm 2023
7. Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022
8. Tạm hoãn chi tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2023
9. Thông qua kết quả SXKD quý 3 năm 2023

**- Có 06 quyết định bao gồm:**

1. Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám Đốc
2. Quyết định bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc
3. Quyết định bổ nhiệm thành viên ban kiểm toán nội bộ
4. Quyết định thành lập ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
5. Quyết định bổ nhiệm Phó chủ tịch HĐQT
6. Quyết định thay đổi người đại diện pháp luật

**4. Các vấn đề tồn tại và thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh công ty:**

Cùng với các hoạt động và kết quả đã đạt được, vẫn còn tồn tại và khó khăn thách thức mà Công ty đang gặp phải trong năm 2023 như sau:

- Tình hình địa chính trị thế giới tác động trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam. Cuộc chiến giữa Nga và Ukraina; Trung Đông càng kéo dài càng đẩy giá nguyên liệu, nhiên liệu tăng cao và thế giới phải đối diện với một cuộc khủng hoảng toàn cầu và có nguy cơ xảy ra chiến tranh thế giới.
- Tình hình kinh tế trong nước lại suy giảm, thị trường bất động sản trầm lắng và đóng băng kéo dài chưa có dấu hiệu phục hồi dẫn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm sơn giảm đi đáng kể
- Mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt và không lành mạnh giữa các nhà sản xuất, phân phối sản phẩm cùng ngành đã làm ảnh hưởng sâu rộng đến mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**5. KẾT LUẬN:**

Thông qua nội dung báo cáo tình hình hoạt động và kết quả SXKD thực hiện năm 2023, đồng thời điểm lại các kết quả thực hiện được như sau:

Năm 2023, tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước gặp rất nhiều khó khăn và Công ty Sơn Á Đông cũng không thể tránh khỏi, nhưng với sự quyết tâm của tập thể CB.CNV Công ty đã cố gắng vượt qua những khó khăn và thách thức, tương chừng không thể hoàn thành kế hoạch đã đề ra nhưng cuối cùng vẫn đạt được kết quả doanh thu: 516,21 tỷ đồng vượt 3,24% kế hoạch và giảm 12,12% so với năm 2022; Tuy vậy lợi nhuận sau thuế đạt 58,93 tỷ đồng vượt 63,71% kế hoạch và tăng 47,17% so với năm 2022.

Về phúc lợi, chế độ chính sách cho người lao động, Công ty cũng thường xuyên quan tâm chăm lo đến đời sống của người lao động, do vậy tiền lương, tiền thưởng năm 2023 chi cho người lao động đạt mức cao hơn so với các năm trước

Với những chính sách, giải pháp hợp lý Công ty đã linh hoạt nắm bắt, tận dụng nhiều biện pháp để tiết giảm chi phí hạ giá thành sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả SXKD. Nhờ vậy mà Công ty đã đạt được kết quả SXKD năm 2023 ngoài sự mong đợi và qua đó cũng đã thể hiện được sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chỉ đạo kịp thời nhằm hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra trong một năm đầy biến động và khó khăn.

Qua các dữ liệu vừa trình bày, HĐQT Công ty đánh giá rằng với những gì đã thực hiện và đạt được trong năm 2023, HĐQT và Ban TGD Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHCĐ thường niên năm 2023 đã giao phó

Thay mặt cho HĐQT, Tôi chân thành cảm ơn đến quý cổ đông, CB.CNV Công ty, các đối tác và mọi người đã quan tâm, hỗ trợ chúng tôi hoàn thành công việc trong năm vừa qua.

Trân trọng kính chào.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**SƠN**  
**Á ĐÔNG**  
**M.S.D.N. 0000000000**  
**QUẢNG-TP. HỒ CHÍ MINH**

**NGUYỄN THỊ NHUNG**

C.T.C.P  
★  
HNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN**  
**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2024**

**I. CÁC CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH:**

Phương án Sản xuất-kinh doanh năm 2024 được xây dựng căn cứ như sau:

1. Mặt bằng giá cơ bản được kiểm soát trong năm 2023, tuy nhiên áp lực lạm phát năm 2024 là rất lớn. Diễn biến giá cả hàng hóa, nguyên, nhiên vật liệu trên thế giới đang có xu hướng tăng cao do xung đột giữa Nga – Ukraina; Trung Đông vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, sự phục hồi các nền kinh tế lớn thế giới có thể kéo nhu cầu năng lượng gia tăng. Kinh tế Việt Nam dự báo sẽ tiếp tục được phục hồi trong năm 2024 do tác động mạnh mẽ của chính phủ trong việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, thu hút dòng vốn FDI làm đòn bẩy và động lực quan trọng để phát triển nền kinh tế.
2. Giá bán và chi phí đầu vào được tính theo cơ cấu tương đối của các tháng cuối năm 2023 và đầu năm 2024.
3. Kết quả thực hiện sản xuất & kinh doanh của Công ty năm 2023.
4. Quy mô, năng lực sản xuất và tài chính hiện có của Công ty.

Chính vì vậy, công tác quản lý, điều hành trong thời gian tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần nhắc thực hiện thận trọng, chủ động và linh hoạt để lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 cho phù hợp.

**II. CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH SX – KD NĂM 2024:**

**1. Tình hình chung**

- Kinh tế toàn cầu dự báo phải đối mặt với nhiều khó khăn do sự kiện địa chính trị đầy bất ổn đã đề cập ở trên...sẽ gây tác động tiềm tàng đến thị trường năng lượng và có thể làm cho giá cả năng lượng, lương thực, thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất tăng cao. Hiện nay lạm phát ở một số nền kinh tế lớn nhiều khả năng vẫn ở mức cao do tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công tiếp tục gia tăng, tăng trưởng thương mại toàn cầu tiếp tục xu hướng thấp, do vậy khả năng phục hồi của nền kinh tế thế giới thật sự chưa rõ ràng.
- Tình hình kinh tế trong nước dự báo các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế toàn cầu vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Hơn nữa hậu quả của COVID-19 vẫn còn. Tuy thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đang xen nhưng hiện tại với động lực truyền thống còn yếu, động lực mới chưa rõ ràng, do vậy nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024 vẫn tiếp tục phải đối mặt nhiều khó khăn và thách thức.
- Áp lực cạnh tranh gay gắt với nhau giữa các Công ty sản xuất & kinh doanh Sơn.

**2. Mục tiêu tăng trưởng qui mô sản xuất – kinh doanh:**

Căn cứ vào các tình hình trên, kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2024 được xây dựng với các chỉ tiêu như sau:

- Doanh thu: 600 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 60 tỷ đồng.

**3. Mục tiêu phát triển thị trường sản phẩm:**

1. Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, phát triển sản phẩm mới, mở rộng phát triển sản phẩm truyền thống kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng ngày càng cao của khách hàng.
2. Ngoài việc phát triển các dòng sản phẩm mới, Công ty vẫn tiếp tục duy trì sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống bao gồm: Sơn Kỹ nghệ, Sơn công nghiệp độ bền cao, Sơn xây dựng và trang trí với thương hiệu Sơn ADONG; Sơn SUMO, Sơn kẽm SUMO GS...
3. Mở rộng thêm nhiều kênh phân phối sản phẩm để tăng độ phủ khắp các tỉnh thành trong cả nước.
4. Xây dựng các chính sách kinh doanh linh hoạt phù hợp với diễn biến của thị trường; Triển khai các chính sách bán hàng, khuyến mãi, chiết khấu, hậu mãi một cách hợp lý dựa trên tập quán mua sắm của từng khu vực, từng đối tượng khách hàng. Qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng sản lượng, cải thiện doanh thu.
5. Tăng cường hoạt động tư vấn, khuyến cáo với khách hàng để nâng cao giá trị sử dụng sản phẩm, tiếp tục cải tiến và hoàn thiện mẫu mã bao bì để tạo tính đồng bộ và nâng cao giá trị thương hiệu.
6. Lựa chọn đầu tư về chiều sâu nhằm phát triển các sản phẩm mới đang có nhu cầu tăng cao và phù hợp với thực tế năng lực của Công ty.

**III. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CU THỂ NĂM 2024:****1. Về sản xuất kinh doanh:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Tăng trưởng %
1	Doanh thu sx công nghiệp	1.000 đ	516.211.896	600.000.000	16,23%
	- Doanh thu xuất khẩu	1.000 đ			
2	Sản lượng sản xuất - tiêu thụ	Tấn	4.699	6.880	46,41%
3	Nộp nghĩa vụ ngân sách	1.000 đ	26.113.526	25.450.421	-2,54%
4	Thu nhập Doanh nghiệp	1.000 đ			
	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	73.819.301	60.000.000	-18,72%
	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	58.934.029	48.000.000	-18,55%
5	Tổng số lao động bình quân	người	155	157	1,29%
6	Lương thực hiện BQ tháng	1.000 đ	15.264	17.516	14,75%
7	Trích khấu hao cơ bản	1.000 đ	8.257.088	7.800.000	-5,54%
8	Kế hoạch đầu tư XD CB	1.000 đ			
	- Đầu tư máy móc thiết bị		462.468	3.000.000	
	- Xây dựng, lắp đặt	1.000 đ			

## 2. Về tài chính

Căn cứ tình hình thực hiện năm 2023 và khả năng phát triển trong năm 2024, mục tiêu phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2024 của Công ty được đề ra như sau:

- |  |   |                        |
|--|---|------------------------|
| - Tăng trưởng tích lũy vốn chủ sở hữu      | : | Không tích lũy vốn CSH |
| - Vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn       | : | Tối thiểu 60 %         |
| - Nợ phải thu trên tổng tài sản            | : | Tối đa 30 %            |
| - Nợ phải trả trên tổng nguồn vốn          | : | Tối đa 40 %            |
| - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn          | : | Tối thiểu 2.5 lần      |
| - Tổng hạn mức tín dụng Ngân hàng ngắn hạn | : | Không vay ngân hàng    |

## IV. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2024:

Nhằm thực hiện thành công kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2024, Công ty đề ra các biện pháp chủ yếu cần phải tiến hành trong năm 2024 như sau:

1. Nghiên cứu ban hành và thực thi các cơ chế chính sách kinh doanh mới phù hợp và kịp thời nhằm mục tiêu phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm và đảm bảo chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận năm 2024 mà ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
2. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá thương hiệu Sơn ADONG, Sơn SUMO, Sơn kẽm SUMO GS và các dòng sản phẩm khác đến tay người tiêu dùng mà Công ty có thể mạnh.
3. Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, phát triển sản phẩm mới, mở rộng phát triển sản phẩm truyền thống kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng yêu cầu ngày cao của khách hàng.
4. Thường xuyên rà soát và điều chỉnh chính sách giá, chính sách sản phẩm, chính sách khách hàng thông qua giá cả hợp lý để cạnh tranh so với đối thủ trên thị trường.
5. Chú trọng quan tâm đến kiến thức kinh doanh cho đội ngũ bán hàng để nâng cao kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán trong việc tìm kiếm khách hàng mới và duy trì đối với khách hàng cũ nhằm đạt và vượt doanh số bán hàng đã đề ra.
6. Tăng cường công tác quản lý sản xuất, hạn chế tối đa lỗi sản phẩm, chú trọng kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, kiểm tra chất lượng nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn cả về chất lượng lẫn hình thức mẫu mã bao bì
7. Tiết giảm chi phí từ định mức nguyên vật liệu, giá mua trên thị trường, tăng năng suất lao động nhằm đáp ứng kịp thời, linh hoạt và tăng sức cạnh tranh cho Công ty.
8. Đầu tư và nâng cấp thiết bị hiện có để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo cung cấp sản phẩm đến khách hàng đúng tiến độ, số lượng và chất lượng theo yêu cầu của khách hàng.
9. Triển khai thường xuyên công tác huấn luyện và kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm cho các cấp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc cho từng thành viên. Chủ động và mở rộng công tác đào tạo nội bộ thường xuyên về kỹ năng làm việc, kỹ năng sản xuất cho từng công nhân sản xuất nhằm tối ưu hóa các quy trình sản xuất thông qua việc vận hành theo đúng quy trình từ đó hạn chế các sai sót trong quá trình sản xuất để ổn định chất lượng sản phẩm.

10. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Công ty, rà soát và cắt giảm các khoản chi tiêu không hợp lý nhằm tiết giảm chi phí, giảm giá thành sản xuất để tăng sức cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm và giảm thiểu không để phát sinh nợ xấu khó đòi.
11. Thường xuyên quan tâm việc cải thiện môi trường làm việc, tăng cường công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.
12. Tiếp tục hoàn thiện và cải tiến chính sách lao động - tiền lương, tiền thưởng... để người lao động được trả lương tương xứng với công sức và trình độ, đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao cống hiến lâu dài với Công ty.

**V. CÁC DỰ ÁN MỚI NĂM 2024:**

1. Đầu tư mới máy chiết rót Sơn tự động hoặc bán tự động.
  2. Nâng cấp máy móc thiết bị khuấy và nghiền sơn.
- Nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

Kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**NGUYỄN THỊ NHUNG**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2024*

**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN**

*Kính thưa Quý vị Cổ đông/đại diện cổ đông và các Quý vị đại biểu*

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông (“Công ty”), Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán (“UBKT”) của công ty và các quy định hiện hành.

Thay mặt Ủy ban kiểm toán của Công ty, Tôi xin gửi tới Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo những nội dung chính và kết quả hoạt động năm 2023 như sau:

UBKT gồm 2 thành viên và 01 thành viên trong Ban Kiểm toán Nội bộ đã thực hiện những công việc sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2023**

- Xây dựng chương trình và triển khai thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp Luật, Điều lệ, Quy chế và Quy định của Công ty.
- Trực tiếp và phối hợp với các bộ phận chức năng của Công ty kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của HĐQT và các quy định quản lý nội bộ của Công ty, kiểm tra, kiểm soát, ngăn ngừa, giám sát phát hiện sai sót, hạn chế trong quá trình hoạt động của Công ty.
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính và các báo cáo định kỳ khác. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng bảo toàn và phát triển vốn và những rủi ro trọng yếu.
- Đề xuất các biện pháp khắc phục những sai sót trong các hoạt động quản lý chung. Kiến nghị xử lý những sai phạm, giám sát, đánh giá và theo dõi hoạt động khắc phục những tồn tại đã phát hiện.
- Tham dự các phiên họp của HĐQT, Ban điều hành có liên quan đến công tác của Kiểm toán nội bộ để tham gia đóng góp ý kiến về định hướng kinh doanh, quản lý tài chính và hoàn thiện quy chế quản lý.
- Trao đổi với Ban TGD và các phòng ban liên quan trong việc theo dõi, tổ chức kiểm soát hoạt động của Công ty và kịp thời thông báo với quản lý điều hành những rủi ro có thể làm ảnh hưởng đến lợi ích của Cổ đông và kiến nghị những giải pháp xử lý.
- Định kỳ thực hiện gửi báo cáo theo quy định với HĐQT
- Các thành viên của UBKT và Ban kiểm toán nội bộ thực hiện công việc một cách trung thực, cẩn trọng không cản trở tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁM SÁT

### 1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty:

UBKT đã giám sát công tác thuyết minh BCTC quý, 6 tháng, năm 2023 trước khi Ban điều hành trình HĐQT, công bố ra bên ngoài theo quy định của Pháp luật. Kết quả giám sát cho thấy:

- Các BCTC quý, bán niên và năm 2023 được lập và công bố phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán, các quy định của Pháp luật hiện hành;
- Công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, phản ánh tình hình tài chính của Công ty ổn định, trung thực.
- Công ty kiểm toán (AASCS) được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.
- Công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng. Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán AASCS theo đúng quy định hiện hành.
- Trong năm 2023, Đơn vị kiểm toán độc lập đã thực hiện các cuộc kiểm toán báo cáo bán niên và báo cáo năm cho Công ty. Phạm vi, nội dung, phương pháp, thời gian kiểm toán đã được đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện theo đúng thoả thuận;

Một số chỉ tiêu chính đạt được trong năm 2023 được thể hiện như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/ giảm	%
	(VNĐ)	(VNĐ)	(VNĐ)	
Doanh thu thuần	587.390.224.936	516.211.896.976	(71.178.327.960)	-12.12
Giá vốn hàng bán	498.238.820.034	416.674.279.804	(81.564.540.230)	-16.37
Lợi nhuận gộp	89.151.404.902	99.537.617.172	10.386.212.270	11.56
Chi phí bán hàng	22.949.104.554	15.444.303.273	(7.504.801.281)	-32.70
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.816.505.625	20.385.005.461	(3.431.500.164)	-14.41
Lợi nhuận trước thuế	50.337.527.224	73.819.301.470	23.481.774.264	46.65
Lợi nhuận sau thuế	40.046.140.679	58.934.029.150	18.887.888.471	47.17

EPS	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/ giảm	%
	(VNĐ/cổ phiếu)	(VNĐ/cổ phiếu)	(VNĐ/cổ phiếu)	
	1.738	2.558	820	47.18

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	TH So với Kế hoạch 2023	%
	(VNĐ)	(VNĐ)	(VNĐ)	
Doanh thu thuần	516.211.896.967	500.000.000.000	16.211.896.967	3.24
Lợi nhuận sau thuế TNDN	58.934.029.150	36.000.000.000	22.934.029.150	63.71



Năm 2023 mặc dù dịch COVID-19 không còn bị ảnh hưởng, nhưng sự xung đột của một số các quốc gia đã ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu; lạm phát tăng lên; sự phục hồi kinh tế chậm và khó khăn ... đã tác động hầu hết các ngành, lĩnh vực gây ra nhiều khó khăn, thách thức lớn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và Việt nam nói riêng. Trong bối cảnh đó, Công ty vẫn luôn cố gắng kiên trì, vượt khó, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, giữ được việc làm ổn định cho người lao động. Cùng với những chính sách và quyết định kịp thời, đẩy mạnh nghiên cứu đưa ra các sản phẩm mới để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Do vậy, kết quả kinh doanh, lợi nhuận là tốt, duy trì được sức khỏe tài chính của Công ty như sau:

- Mặc dù doanh thu thuần so với năm 2022 giảm 12.12% tương ứng 71.178.327.960 tỷ nhưng so kế hoạch năm 2023 tăng 16.211.896.967 tỷ tương ứng 3.24%.
- Nhưng Giá vốn hàng bán giảm 16.37% tương ứng 81.564.540.230 tỷ đồng so với năm 2022. (quản lý nguyên vật liệu đầu vào tốt)
- Lợi nhuận gộp tăng 11.56 % so với năm 2022
- Chi phí bán hàng giảm 7.504.801.281 tỷ tương đương 32.70% so với năm 2022
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 3.431.500.164 tỷ đồng tỷ lệ 14.41% so với năm 2022.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2023 tăng 46.65 % so với năm 2022.
- Lợi nhuận sau thuế của năm 2023 tăng 47.17% so với năm 2022 và cao hơn 63.71% so với kế hoạch năm 2023.
- Thu nhập trên một cổ phiếu là 2.558 đồng tăng 820 đồng so với năm 2022.
- Đảm bảo chia tỷ lệ cổ tức cho cổ đông năm 2023 là 34,5 %.

## **2. Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty:**

Qua công tác giám sát của UBKT đối với hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong năm tài chính 2023, UBKT ghi nhận các kết quả sau:

- Các hoạt động của Công ty phù hợp với nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước về kế toán tài chính và thuế;
- Các nội dung trong Nghị Quyết ĐHCĐ Thường niên năm 2023 đã được HĐQT và Ban điều hành triển khai thực hiện đầy đủ.

### **2.1 Đối với Hội đồng Quản trị:**

- Hội đồng Quản trị đã đưa ra những định hướng phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung – dài hạn khá phù hợp, triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.
- Các phiên họp của HĐQT được tổ chức, trao đổi thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung phù hợp với quy định Pháp luật và đúng thẩm quyền của HĐQT. Các nội dung được biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được tiến hành các thủ tục theo đúng quy định.
- Các thành viên HĐQT thực hiện đúng vai trò trách nhiệm, tham dự đầy đủ các buổi họp và các ý kiến biểu quyết góp phần xây dựng và phát triển hoạt động và định hướng phát triển của Công ty.

**2.2 Đối với Ban Tổng Giám đốc và các cấp điều hành:**

- Ban điều hành thường xuyên tổ chức họp thảo luận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và trên cơ sở chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị đã quyết định các phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, thực hiện các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.
- Trong hoạt động quản lý điều hành, UBKT chưa phát hiện về sự vi phạm hay các sai sót trọng yếu.

**III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2024**

Để thực hiện mục tiêu hoạt động, UBKT đề ra kế hoạch công tác trong năm 2024 trọng tâm như sau:

- Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT, điều hành, quản lý của Ban điều hành; kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tính minh bạch, cần trọng trong quản lý điều hành, hoạt động tác nghiệp tuân thủ, hiệu quả;
- Hỗ trợ HĐQT trong việc bảo đảm công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Góp phần hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp phù hợp với tình hình hoạt động Công ty, quy định Pháp luật hiện hành và hướng tới các thông lệ quốc tế;
- Giám sát chất lượng dịch vụ của Đơn vị kiểm toán độc lập trong các đợt kiểm toán trong năm 2024;
- Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của UBKT Công ty.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động của UBKT Công ty trong năm 2023 và Kế hoạch năm 2024. Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN**



**Nguyễn Thị Minh Sáu**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

-----

**TỜ TRÌNH**

*V/v: Về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán*

**Kính trình ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty cổ phần Sơn Á Đông;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty CP Sơn Á Đông đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và kiểm toán phía nam kiểm toán (AASCs) kiểm toán và được ký ban hành vào ngày 18 tháng 03 năm 2024.

Nay, Hội đồng quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông đã được kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty được đăng tải tại địa chỉ website của Công ty: [www.adongpaint.com.vn](http://www.adongpaint.com.vn) ; Mục Quan hệ cổ đông.

**Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.**

  
**NGUYỄN THỊ NHUNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023  
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024**

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông sửa đổi lần thứ 14 được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 22/04/2023;
- Căn cứ nghị quyết số 004/NQ-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua ngày 22/04/2023;
- Căn cứ kết quả hoạt động SXKD trong năm 2023 (đã được kiểm toán), theo đó lợi nhuận năm 2023 sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp: **58.934.029.150 đồng**;
- Căn cứ chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua:

**I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023**

Bao gồm:

- Lợi nhuận sau thuế các năm trước chuyển sang:	22.878.291.769 đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023:	58.934.029.150 đồng (*)
- Lãi suất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS) b/q:	2.558 đồng
<b>Lợi nhuận sau thuế được phân phối:</b>	<b>81.812.320.919 đồng</b>

- **Chi cổ tức cho năm 2023: 34.5%/VĐL 79.487.482.500 đồng**

**A. Đã tạm ứng cổ tức 03 đợt: 57.599.625.000 đồng tương ứng 25.00%/VĐL**

**Trong đó:**

*Chi tạm ứng đợt 1/2023 (ngày 01/06/2023): 18.431.880.000 đồng (Tỷ lệ 08.00 %/VĐL)*

*Chi tạm ứng đợt 2/2023 (ngày 06/12/2023): 13.823.910.000 đồng (Tỷ lệ 06.00 %/VĐL)*

*Chi tạm ứng đợt 3/2023 (ngày 04/04/2024): 25.343.835.000 đồng (Tỷ lệ 11.00 %/VĐL)*

- B. Dùng lợi nhuận sau thuế của các năm trước để chi cổ tức bổ sung cho năm 2023: 9.5%/VĐL tương ứng với số tiền: 21.887.857.500 đồng (Hai mươi một tỷ tám trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi bảy ngàn, năm trăm đồng). Đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền và giao cho HĐQT chi cổ tức bổ sung cho năm 2023 sau khi nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 được thông qua.**

- C. Lợi nhuận sau thuế dùng để khen thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành do hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2023: 2.220.000.000 đồng**



D. Lợi nhuận sau thuế còn lại chuyển sang năm sau: 104.838.419 đồng

E. Lập Quỹ đầu tư phát triển : Không lập quỹ

## II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024

Dự kiến kế hoạch tài chính năm 2024 của Công ty CP Sơn Á Đông như sau:

- Doanh thu	:	600.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	60.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	48.000.000.000 đồng
- Lãi suất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS)	:	2.083 đồng

Trên cơ sở kế hoạch lợi nhuận nêu trên, HĐQT đề xuất kế hoạch chi trả cổ tức cho năm 2024 như sau:

- Chi trả cổ tức cho năm 2024 bằng tiền mặt tối thiểu : 18 % / vĐL

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
SƠN  
Á ĐÔNG  
QUẬN 8 - TP. HỒ CHÍ MINH  
NGUYỄN THỊ NHUNG



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TỜ TRÌNH**

***V/v: Tiền thù lao HĐQT, BKTNB và tiền thưởng cho HĐQT,  
Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD***

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

- Căn cứ điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông sửa đổi lần thứ 14 được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 22/04/2023.
- Căn cứ nghị quyết số 004/NQ-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua ngày 22/04/2023;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị & Ban kiểm toán nội bộ trong năm 2023.
- Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2024.

HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua tiền thù lao cho HĐQT & BKTNB và tiền thưởng cho HĐQT & Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD như sau:

**I. Tiền thù lao HĐQT & BKTNB năm 2023 đã thực chi:**

1. Thù lao Hội đồng quản trị : 72.500.000 đồng/tháng (07 người)

Trong đó:

- Chủ tịch : 14.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch : 11.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác : 9.500.000 đồng/tháng

2. Thù lao Ban kiểm toán nội bộ : 13.000.000 đồng/tháng (03 người)

- Trưởng ban : 5.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác : 4.000.000 đồng/tháng

Tổng cộng tiền thù lao HĐQT & BKTNB năm 2023: **1.026.000.000 đồng.**

*(Bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn)*

3. Tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2023 Với số tiền thưởng: 3% lợi nhuận sau thuế như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 : **58.934.029.150 đồng** x 3% = 1.768.020.874 đồng

4. Tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện vượt kế hoạch SXKD năm 2023:

- + Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2023 : 58.934.029.150 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2023 : 36.000.000.000 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 2023 : 22.934.029.150 đồng

Với số tiền thưởng: 2% lợi nhuận vượt kế hoạch như sau:

22.934.029.150 đồng x 2% : 458.680.583 đồng



Tổng số tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2023 như sau:

(3) + (4) 1.768.020.874 đồng + 458.680.583 đồng : 2.220.000.000 đồng (Tính tròn) (\*)

(Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn)

(\*) Nguồn chi thưởng cho HĐQT và Ban điều hành lấy từ lợi nhuận sau thuế để chi

## II. Tiền thù lao HĐQT & BKTNB và tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành năm 2024:

1. Thù lao Hội đồng quản trị : 72.500.000 đồng/tháng (07 người)

Trong đó:

- Chủ tịch : 14.000.000 đồng/tháng

- Phó Chủ tịch : 11.000.000 đồng/tháng

- Các thành viên khác : 9.500.000 đồng/tháng

2. Thù lao Ban kiểm toán nội bộ : 13.000.000 đồng/tháng (03 người)

- Trưởng ban : 5.000.000 đồng/tháng

- Các thành viên khác : 4.000.000 đồng/tháng

Tổng cộng tiền thù lao HĐQT & BKTNB năm 2024: **1.026.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn)

3. Tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD cho năm 2024: Với số tiền thưởng 3% lợi nhuận sau thuế và nếu vượt kế hoạch được thưởng bổ sung 2% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
SƠN  
Á ĐÔNG  
QUẬN 8 - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ NHUNG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TỜ TRÌNH**

*V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2024*

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

- Căn cứ điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua ngày 22/04/2023;
- Căn cứ vào danh sách các Công ty Kiểm toán được Bộ tài chính chấp thuận kiểm toán cho các Công ty đại chúng niêm yết;

Để đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành, việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quyết định.

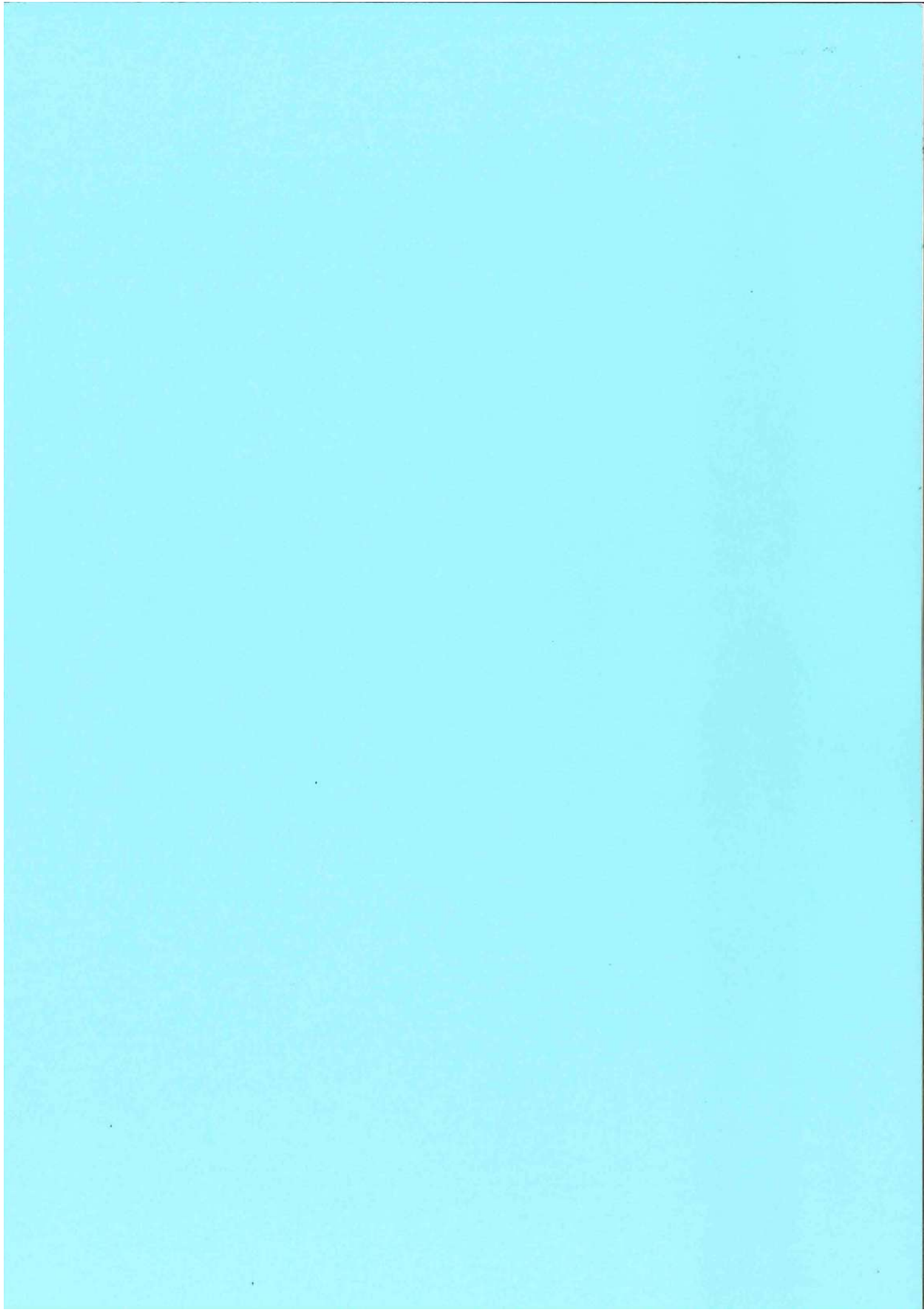
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét – quyết định:

- I. Chọn danh sách các Công ty Kiểm toán tham gia kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông, bao gồm:
  1. Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs)  
Địa chỉ: Số 29 đường Võ Thị Sáu, P. Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
  2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn A&C  
Địa chỉ: Số 2 đường Trường Sơn, P.2, Q. Tân Bình, TP.HCM
  3. Cty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học AISC  
Địa chỉ: Số 389A đường Điện Biên Phủ, P.4, Q.3, TP.HCM
- II. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn Công ty Kiểm toán trong danh sách đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết để thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

**Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**NGUYỄN THỊ NHUNG**







**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31/12/2023**



*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**

**Báo cáo tài chính**  
**Cho năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31/12/2023**



Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	06
- Bảng cân đối kế toán	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN SON Á ĐÔNG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31/12/2023.

### I. CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Son Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười một mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 08/05/2023 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 230.398.500.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 : 230.398.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

#### 4. Mô hình hoạt động

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Khu Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiên II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

### II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

#### Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch	
Ông Trần Bửu Trí	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/04/2023
Ông Lê Đình Quang	Thành viên	
Ông Võ Hồng Hà	Thành viên	
Bà Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên độc lập	
Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên độc lập	

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC****Ban Giám đốc**

Ông Võ Hồng Hà  
 Bà Dương Thị Thuỳ Hương  
 Ông Lê Đình Quang  
 Ông Võ Hồng Hà

Tổng Giám đốc  
 Tổng Giám đốc  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 19/01/2023  
 Bổ nhiệm ngày 19/01/2023  
 Bổ nhiệm ngày 19/01/2023

**Ủy Ban Kiểm toán**

Bà Nguyễn Thị Minh Sáu  
 Bà Tống Trường Thịnh

Chủ tịch  
 Thành viên

**Đại diện pháp luật**

Ông Võ Hồng Hà  
 Bà Nguyễn Thị Nhung

Đến ngày 07/05/2023  
 Từ ngày 08/05/2023

**Kế toán trưởng**

Ông Huỳnh Thanh Tâm

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

**V. KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31/12/2023.

Duyệt, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TM. Hội đồng quản trị  
Chủ tịch



Nguyễn Thị Nhung

Duyệt, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TM. Ban Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

Lê Đình Quang

0117  
CÔNG T  
TNHH  
H VỤ T  
LÍNH K  
KIỂM T  
PHÍA N  
T.P HỒ

22 - C.T.C.P  
HỒ CHÍ MINH

Số : 169 /BCKT/TC/2024/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc  
của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG, được lập ngày 06/02/2024, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 18... tháng 03... năm 2024.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0064-2023-142-1

Kiểm toán viên

Dương Nguyên Thúy Mai

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0848-2023-142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>338.669.128.004</b>	<b>307.980.659.379</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>18.513.911.255</b>	<b>10.745.023.537</b>
Tiền	111		18.513.911.255	10.745.023.537
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>140.000.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		130.000.000.000	140.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>65.341.854.280</b>	<b>82.359.824.196</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	63.536.051.725	80.290.997.823
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.905.280.822	2.102.396.830
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(99.478.267)	(33.570.457)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>124.184.683.018</b>	<b>74.331.708.089</b>
Hàng tồn kho	141	V.7	124.184.683.018	74.331.708.089
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>628.679.451</b>	<b>544.103.557</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	628.679.451	536.956.275
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	7.147.282
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>42.659.482.116</b>	<b>50.522.762.053</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>42.590.642.225</b>	<b>50.385.262.053</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	26.101.952.972	33.411.611.351
- Nguyên giá	222		139.059.824.773	139.530.721.565
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.957.871.801)	(106.119.110.214)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.488.689.253	16.973.650.702
- Nguyên giá	228		24.248.072.436	24.248.072.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.759.383.183)	(7.274.421.734)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>68.839.891</b>	<b>137.500.000</b>
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	68.839.891	137.500.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>381.328.610.120</b>	<b>358.503.421.432</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>94.138.398.232</b>	<b>84.167.434.784</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>94.138.398.232</b>	<b>84.167.434.784</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	74.320.547.113	60.649.977.759
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		257.819.244	60.949.209
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	8.562.059.512	7.354.899.737
Phải trả người lao động	314		9.812.831.744	15.005.280.498
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		71.873.400	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.062.224.812	1.045.285.174
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		51.042.407	51.042.407
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.14</b>	<b>287.190.211.888</b>	<b>274.335.986.648</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>287.190.211.888</b>	<b>274.335.986.648</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		230.398.500.000	230.398.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.398.500.000	230.398.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.235.180.969	7.235.180.969
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.556.530.919	36.702.305.679
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.000.000.000	22.000.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.556.530.919	14.702.305.679
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>381.328.610.120</b>	<b>358.503.421.432</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tâm

Lập, ngày 06 tháng 02 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc



Lê Đình Quang



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	519.137.972.340	589.119.603.059
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.926.075.364	1.729.378.123
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>516.211.896.976</b>	<b>587.390.224.936</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	416.674.279.804	498.238.820.034
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>99.537.617.172</b>	<b>89.151.404.902</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	11.342.548.075	8.586.920.050
Chi phí tài chính	22	VI.5	1.210.585.775	564.945.490
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	17.490.000
Chi phí bán hàng	25	VI.8	15.444.303.273	22.949.104.554
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	20.385.005.461	23.816.505.625
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>73.840.270.738</b>	<b>50.407.769.283</b>
Thu nhập khác	31	VI.6	184.152	10.529.059
Chi phí khác	32	VI.7	21.153.420	80.771.118
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(20.969.268)</b>	<b>(70.242.059)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>73.819.301.470</b>	<b>50.337.527.224</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	14.885.272.320	10.291.386.545
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>58.934.029.150</b>	<b>40.046.140.679</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.558	1.738
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	2.558	1.738

Người lập biểu

Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tâm

Lập ngày 06 tháng 02 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc



Lê Đình Quang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		576.891.597.046	613.747.416.549
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(442.895.920.816)	(454.239.661.861)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(30.490.789.185)	(26.905.711.428)
Tiền lãi vay đã trả	04		-	(17.490.000)
Thuế TNDN đã nộp	05		(11.897.217.345)	(13.498.137.343)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.717.645.788	4.729.237.631
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(54.585.740.106)	(85.760.909.596)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>43.739.575.382</b>	<b>38.054.743.952</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(323.693.987)	(1.658.972.727)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.384.311.169	5.373.318.391
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>8.060.617.182</b>	<b>3.714.345.664</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	3.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(3.000.000.000)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(44.031.304.846)	(41.587.323.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(44.031.304.846)</b>	<b>(41.587.323.300)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7.768.887.718</b>	<b>181.766.316</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>10.745.023.537</b>	<b>10.563.257.221</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>18.513.911.255</b>	<b>10.745.023.537</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Tâm



Lập, ngày 06 tháng 02 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc



Lê Đình Quang

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười một mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 08/05/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 230.398.500.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 : 230.398.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Mô hình hoạt động

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Khu Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiên II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### 1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

##### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

##### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

## 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);

- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2023

**b. Phương tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền

**c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08 năm
- Máy móc, thiết bị	06-08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Thiết bị văn phòng	06-07 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06-08 năm
- Tài sản vô hình	03-05 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	50 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2023

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

**b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá**

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

### c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

## 9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

### a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

### d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.



66  
3 T  
H  
N  
N  
15

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### 10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

11729  
CÔNG TY  
TNHH  
VỤ TƯ VẤN  
KIỂM TOÁN  
LIÊN KẾT  
HÀNG NĂM  
TP. HỒ CHÍ MINH

322  
Y  
N  
G  
CHÍNH

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

#### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	173.445.922	314.058.045
+ Tiền mặt (VND)	173.445.922	314.058.045
- Tiền gửi ngân hàng	18.340.465.333	10.430.965.492
+ Tiền gửi (VND)	18.340.465.333	10.430.965.492
Tiền gửi Vietinbank - CN 6	17.686.068.812	10.033.893.389
Tiền gửi Sacombank - CN Bình Tây	654.396.521	397.072.103
<b>Cộng</b>	<b>18.513.911.255</b>	<b>10.745.023.537</b>

#### 2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn (6 tháng)	130.000.000.000	130.000.000.000	140.000.000.000	140.000.000.000
Ngân hàng Sacombank CN. Bình Tây	130.000.000.000	130.000.000.000	140.000.000.000	140.000.000.000
	<b>130.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>140.000.000.000</b>	<b>140.000.000.000</b>

#### 3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công Ty CP Tôn Mạ VNSTEEL Thăng Long	13.000.416.010	15.122.381.658
- Công Ty TNHH Phú Huỳnh	725.630.252	774.821.793
- Công Ty Tôn Phương Nam	38.500.857.010	60.367.604.990
- Công ty TNHH GREIF Việt Nam	760.749.396	691.815.564
- DNTN SX-TM-DV Thép Đồng Tiến-Nhật Việt	1.648.853.933	1.328.035.233
- Liên Doanh Việt Nga Vietsovet	6.329.142.122	103.631.275
- Đối tượng khác	2.570.403.002	1.902.707.310
<b>Cộng</b>	<b>63.536.051.725</b>	<b>80.290.997.823</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2023

**4 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ phân bổ	204.536.667	-
- Chi phí bảo hiểm tài sản	36.614.781	37.253.393
- Chi phí quảng cáo	-	183.333.334
- Chi phí sửa chữa	108.194.668	277.702.879
- Chi phí khác	279.333.335	38.666.669
<b>Cộng</b>	<b>628.679.451</b>	<b>536.956.275</b>
<b>Dài hạn</b>		
- Chi phí di dời MMTB	-	-
<b>Cộng</b>	-	-

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	5.000.000	-	10.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
- Phải thu khác	1.900.280.822	-	2.092.396.830	-
+ BHYT, BHXH, BHTN	-	-	1.364.200	-
+ Lãi tiền gửi tiết kiệm	1.872.280.822	-	2.030.498.630	-
+ Các đối tượng khác	28.000.000	-	60.534.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.905.280.822</b>	-	<b>2.102.396.830</b>	-

**6 . NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu	99.478.267	-	33.570.457	-
<u>Chi tiết:</u>				
Công ty TNHH TM DV Phát Phúc	16.620.000	-	16.620.000	-
Công ty TNHH TM DV Đại Hùng Cường	12.950.457	-	12.950.457	-
Công ty TNHH Gia Công Sơn Tĩnh	4.000.000	-	4.000.000	-
Điện Sơn Hải Thịnh				
Công ty Cổ Phần Nhôm Kính Tây Đô	65.907.810	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>99.478.267</b>	-	<b>33.570.457</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2023

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	76.359.890.176	-	43.780.119.139	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	85.727.572	-
- Thành phẩm	47.824.792.842	-	30.465.861.378	-
<b>Cộng</b>	<b>124.184.683.018</b>	<b>-</b>	<b>74.331.708.089</b>	<b>-</b>

**8 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN****Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm TSCĐ	68.839.891	137.500.000
<b>Cộng</b>	<b>68.839.891</b>	<b>137.500.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2023

**9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	66.370.926.176	53.366.186.991	10.806.957.016	2.845.924.309	6.140.727.073	139.530.721.565
Số tăng trong năm	-	212.468.800	-	-	250.000.000	462.468.800
- Mua trong năm	-	212.468.800	-	-	250.000.000	462.468.800
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	933.365.592	933.365.592
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	933.365.592	933.365.592
- Giảm khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	66.370.926.176	53.578.655.791	10.806.957.016	2.845.924.309	5.457.361.481	139.059.824.773
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	37.489.941.775	52.451.189.662	8.483.031.915	2.405.295.372	5.289.651.490	106.119.110.214
Số tăng trong năm	5.681.505.128	783.188.995	660.638.712	343.138.500	303.655.844	7.772.127.179
- Khấu hao trong năm	5.681.505.128	783.188.995	660.638.712	343.138.500	303.655.844	7.772.127.179
- Tăng khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	933.365.592	933.365.592
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	933.365.592	933.365.592
- Giảm khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	43.171.446.903	53.234.378.657	9.143.670.627	2.748.433.872	4.659.941.742	112.957.871.801
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	28.880.984.401	914.997.329	2.323.925.101	440.628.937	851.075.583	33.411.611.351
Tại ngày cuối năm	23.199.479.273	344.277.134	1.663.286.389	97.490.437	797.419.739	26.101.952.972

**Ghi chú:**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

60.358.244.920





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2023

**10 . TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bán quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	24.248.072.436	-	-	-	-	24.248.072.436
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
- Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	24.248.072.436	-	-	-	-	24.248.072.436
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	7.274.421.734	-	-	-	-	7.274.421.734
Số tăng trong năm	484.961.449	-	-	-	-	484.961.449
- Khấu hao trong năm	484.961.449	-	-	-	-	484.961.449
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	7.759.383.183	-	-	-	-	7.759.383.183
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	16.973.650.702	-	-	-	-	16.973.650.702
Tại ngày cuối năm	16.488.689.253	-	-	-	-	16.488.689.253

1729-  
 NG TY  
 TNHH  
 SỬ DỤNG VÀ  
 KẾ TOÁN  
 TÀI CHÍNH  
 A NAM  
 PHỐ C

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

### 11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
- Công Ty Arkema Coating Resin	29.880.676.200	29.880.676.200	17.035.024.160	17.035.024.160
- Công Ty TNHH Nordor A/S	-	-	4.204.569.600	4.204.569.600
- Công Ty CP Hc Ma Ha	864.387.128	864.387.128	2.837.850.069	2.837.850.069
- DNTN TM DV Bình Phú	753.417.490	753.417.490	3.931.692.848	3.931.692.848
- CN Công Ty Đầu Tư PTTT Hoá Chất (HN)	1.361.921.660	1.361.921.660	2.327.195.200	2.327.195.200
- Công Ty Phụ Gia Tầm Nhìn Afcona	3.449.667.661	3.449.667.661	3.391.710.025	3.391.710.025
- Eternal Resin Co.,LTD	1.719.520.000	1.719.520.000	-	-
- NORDOX A/S NORWAY	3.919.724.000	3.919.724.000	-	-
- Công Ty TNHH EASTCHEM	2.342.192.458	2.342.192.458	-	-
- Công Ty CP SAM CHEM QUẢ CẦU	2.889.664.800	2.889.664.800	933.363.200	933.363.200
- Công ty CP Vật liệu Công nghệ Sáng	2.033.680.000	2.033.680.000	693.022.605	693.022.605
- CN Công Ty TNHH FSI VIỆT NAM	2.195.766.338	2.195.766.338	1.322.133.340	1.322.133.340
- Đối tượng khác	22.909.929.378	22.909.929.378	23.973.416.712	23.973.416.712
<b>Cộng</b>	<b>74.320.547.113</b>	<b>74.320.547.113</b>	<b>60.649.977.759</b>	<b>60.649.977.759</b>

### 12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm
<b>12.1. Thuế và các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.539.322.425	51.704.838.557	53.599.239.673	644.921.309
+ <i>Thực nộp bằng tiền</i>	2.539.322.425	7.188.756.990	9.083.158.106	644.921.309
+ <i>Được khấu trừ</i>	-	44.516.081.567	44.516.081.567	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.815.577.312	14.885.272.320	11.897.217.345	7.803.632.287
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.074.305.585	2.960.799.669	113.505.916
Thuế đất, thuế nhà đất	-	961.192.522	961.192.522	-
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.354.899.737</b>	<b>70.629.608.984</b>	<b>69.422.449.209</b>	<b>8.562.059.512</b>
<b>12.2. Thuế và các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	7.147.282	7.147.282	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.147.282</b>	<b>7.147.282</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công Ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
- KPCĐ	628.769.142	733.232.824
- BHXH, BHYT, BHTN	33.455.670	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	400.000.000	312.052.350
+ <i>Đối tượng khác</i>	400.000.000	312.052.350
<b>Cộng</b>	<b>1.062.224.812</b>	<b>1.045.285.174</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SON Á ĐÔNG**

1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31/12/2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2023

**14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>230.398.500.000</b>	-	-	-	-	<b>47.667.060.969</b>	<b>278.065.560.969</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	40.046.140.679	40.046.140.679
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	7.235.180.969	(7.235.180.969)	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	7.235.180.969	(7.235.180.969)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.431.880.000)	(18.431.880.000)
+ <i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu</i>	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	-	-	-	-	-	(18.431.880.000)	(18.431.880.000)
- Tam ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(25.343.835.000)	(25.343.835.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>230.398.500.000</b>	-	-	-	<b>7.235.180.969</b>	<b>36.702.305.679</b>	<b>274.335.986.648</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	58.934.029.150	58.934.029.150
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu</i>	-	-	-	-	-	(13.823.963.700)	(13.823.963.700)
+ <i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	-	-	-	-	-	-	-
- Tam ứng cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>230.398.500.000</b>	-	-	-	<b>7.235.180.969</b>	<b>49.556.530.919</b>	<b>287.190.211.888</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2023

**14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Bà Nguyễn Thị Nhung	23.182.690.000	37.006.690.000
- Vốn góp của Ông Trần Bửu Trí	26.165.680.000	26.165.680.000
- Vốn góp của Ông Lê Đình Quang	21.240.000.000	21.240.000.000
- Vốn góp của Ông Võ Hồng Hà	25.344.000.000	11.520.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	134.466.130.000	134.466.130.000
<b>Cộng</b>	<b><u>230.398.500.000</u></b>	<b><u>230.398.500.000</u></b>

**14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Vốn góp đầu năm	230.398.500.000	230.398.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	230.398.500.000	230.398.500.000
- Chia cổ tức, tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế	(46.079.803.910)	(43.775.715.000)

**14.4. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.039.850	23.039.850
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu phổ thông	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu phổ thông	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**14.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	7.235.180.969	7.235.180.969
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ****Doanh thu**

- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
41.025.000	77.610.000
518.646.947.340	589.041.993.059
450.000.000	-
<b>519.137.972.340</b>	<b>589.119.603.059</b>

**2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
2.926.075.364	1.729.378.123
-	-
<b>2.926.075.364</b>	<b>1.729.378.123</b>

**3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn hàng hóa đã bán
- Giá vốn thành phẩm đã bán

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
416.641.209.804	66.822.283
33.070.000	498.171.997.751
<b>416.674.279.804</b>	<b>498.238.820.034</b>

**4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
10.256.591.991	8.586.920.050
1.085.956.084	-
<b>11.342.548.075</b>	<b>8.586.920.050</b>

**5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Chi phí tài chính khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
-	17.490.000
909.708.740	-
300.877.035	-
-	547.455.490
<b>1.210.585.775</b>	<b>564.945.490</b>

**6. THU NHẬP KHÁC**

- Các khoản khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
184.152	10.529.059
<b>184.152</b>	<b>10.529.059</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

- Các khoản khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
21.153.420	80.771.118
<b>21.153.420</b>	<b>80.771.118</b>

**8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP****8.1. Chi phí bán hàng**

- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao

Năm nay	Năm trước
383.168.213	357.134.817
7.163.019.773	11.150.445.857
707.240.361	925.938.698

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.769.718.210	8.069.324.620
- Các khoản chi phí bán hàng khác	2.421.156.716	2.446.260.562
<b>Cộng</b>	<b>15.444.303.273</b>	<b>22.949.104.554</b>

### 8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	1.810.581.230	1.272.975.873
- Chi phí nhân công	10.535.186.370	13.835.642.458
- Chi phí khấu hao	234.851.700	1.024.091.835
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.717.151.157	2.214.887.294
- Thuế, phí, lệ phí	32.168.552	80.557.416
- Các khoản chi phí QLDN khác	6.055.066.452	5.388.350.749
<b>Cộng</b>	<b>20.385.005.461</b>	<b>23.816.505.625</b>

### 9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	443.883.785.281	491.739.736.751
- Chi phí nhân công	33.971.036.494	44.861.528.065
- Chi phí khấu hao TSCĐ	8.257.088.628	11.664.375.729
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.097.699.963	8.746.115.267
- Chi phí bằng tiền khác	13.331.725.374	19.362.219.246
<b>Cộng</b>	<b>509.541.335.740</b>	<b>576.373.975.058</b>

### 10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.885.272.320	10.215.158.312
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	76.228.233
<b>Cộng</b>	<b>14.885.272.320</b>	<b>10.291.386.545</b>

*Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:*

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	73.819.301.470	50.337.527.224
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	607.060.130	738.264.334
+ Các khoản điều chỉnh tăng	607.060.130	738.264.334
<i>Chi phí phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế, chi phí dự phòng</i>	<i>87.060.130</i>	<i>114.264.334</i>
<i>Thù lao hội đồng quản trị</i>	<i>520.000.000</i>	<i>624.000.000</i>
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	74.426.361.600	51.075.791.558
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện	14.885.272.320	10.291.386.545
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	14.885.272.320	10.215.158.312
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	-	76.228.233

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2023

**11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông  
 Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế  
 Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm

Năm nay	Năm trước
58.934.029.150	40.046.140.679
-	-
23.039.850	23.039.850
<b>2.558</b>	<b>1.738</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

**12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông  
 Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế  
 Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm

Năm nay	Năm trước
58.934.029.150	40.046.140.679
-	-
23.039.850	23.039.850
<b>2.558</b>	<b>1.738</b>

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không có

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Năm nay

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

Năm nay

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3. Thông tin về các bên liên quan

3.1. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

		Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thị Nhung	Thù lao	168.000.000	416.173.439
Trần Bửu Trí	Thù lao	126.000.000	330.025.199
Lê Đình Quang	Thù lao, lương, thưởng	530.703.665	816.343.767
Võ Hồng Hà	Thù lao, lương, thưởng	493.256.094	722.174.972
Võ Thị Bích Ngọc	Thù lao	114.000.000	330.576.140
Nguyễn Thị Minh Sáu	Thù lao	174.000.000	
Tổng Trường Thịnh	Thù lao	166.000.000	
Dương Thị Thùy Hương	Lương, thưởng	434.395.691	

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận

- Công ty chỉ phát sinh doanh thu từ hoạt động kinh doanh sản phẩm sơn. Ngoài các nguồn doanh thu này, Công ty không có (rất ít) doanh thu từ hoạt động khác do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

- Bên cạnh đó khu vực hoạt động của Công ty chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

5011729  
 CÔNG TY  
 TNHH  
 H VỤ TƯ V  
 HÌNH KẾ T  
 KIỂM TOA  
 PHÍA NAM  
 T.P HỒ C

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

### 5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Tâm



Lập, ngày 06 tháng 02 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc

Lê Đình Quang

